

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình môn Cơ sở văn hóa được biên soạn để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giảng viên, học sinh, sinh viên chuyên ngành Tiếng anh, Tiếng Hàn, Tiếng Nhật. Cấu trúc của giáo trình gồm 8 chương:

Chương 1: Dẫn luận

Chương 2: Văn hóa với tự nhiên, xã hội và cá nhân

Chương 3: Biến đổi văn hóa

Chương 4: Cơ cấu của hệ thống văn hóa

Chương 5: Tiếp biến văn hóa Việt Nam

Chương 7: Sáu vùng văn hóa Việt Nam

Chương 8: Danh nhân văn hóa Việt Nam

Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót nhất định, nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý đọc giả để giáo trình này ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

Tp. HCM, ngày.....tháng.....năm 2022

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Contents

Chương 1: Dẫn luận.....	15
1. Khái niệm văn hóa.....	15
1.2. Phân biệt văn hóa với văn hiến, văn vật, văn minh.....	17
2. Đặc trưng và chức năng của văn hóa.....	18
Chương 2: Văn hóa với tự nhiên, xã hội và cá nhân.....	20
1. Văn hóa và tự nhiên.....	20
2. Văn hóa và xã hội.....	27
3. Văn hóa và cá nhân.....	28
4. Văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây.....	31
Chương 3: Biến đổi văn hóa.....	34
2. Tính truyền thống.....	36
3. Tính biến đổi.....	39
4. Tính kế thừa.....	39
5. Tiếp xúc - giao lưu và tiếp biến văn hóa.....	41
Chương 4: Cơ cấu của hệ thống văn hóa.....	47
1. Văn hóa nhận thức (về thế giới, về con người).....	47
2. Văn hóa vật chất (sản xuất vật chất và đời sống vật chất).....	48
Chương 5: Tiếp cận văn hóa Việt Nam.....	58
1. Điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam.....	58
2. Điều kiện tự nhiên – kinh tế.....	60
3. Điều kiện chủ thể.....	61
4. Điều kiện lịch sử xã hội.....	61
Chương 6: Diễn trình văn hóa Việt Nam.....	65
1. Giai đoạn hình thành những nền tảng.....	65
2. Văn hóa Việt Nam thời Bắc thuộc.....	75
Chương 7: Sáu vùng văn hóa Việt Nam.....	82
1. Khái niệm vùng văn hóa.....	82
2. Các vùng văn hóa Việt Nam.....	82
Chương 8: Danh nhân văn hóa việt Nam.....	87

Suốt cuộc kháng chiến chống Minh, Nguyễn Trãi đã tỏ rõ ông là một nhà chính trị kiệt xuất có tầm tư tưởng cao nhất của thời đại bấy giờ. Đánh giặc đương nhiên phải dùng tới vũ dũng. Nhưng đối lập với những kẻ hữu dũng nhưng vô mưu, vô trí, vô

<i>nhân</i> , Nguyễn Trãi, với tầm vóc của một nhà tư tưởng, nhà chiến lược quân sự, vị quân sư của Lê Lợi, đã cống hiến và đặt nền móng tinh thần, tư tưởng cho cuộc kháng chiến.	89
Khoan dung độ lượng: Mở lượng khoan hồng đối với quân địch thất bại, giữ tình hòa hiếu lâu dài giữa hai nước cũng là một trong những tư tưởng quân sự chủ đạo của Nguyễn Trãi.....	89
Nghệ thuật quân sự - Đánh vào lòng người.....	90

Tailieu.vn

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên môn học: SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

Mã môn học: MH 07

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành/ bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ 1 của năm thứ nhất, dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh.
- Tính chất: Là môn học kiến thức cơ sở, thuộc các môn học hỗ trợ nền về những hiểu biết về văn hóa nói chung và nền văn hóa Việt Nam nói riêng.

II. Mục tiêu môn học:

1. về kiến thức:

- Phát biểu được các khái niệm về văn hóa, văn vật, văn hiến và văn minh, nguồn gốc, các đặc trưng - thuộc tính cơ bản, chức năng của văn hóa ường đời sống xã hội của loài người;
- Phân biệt và nhận diện được văn hóa là sản phẩm của riêng con người, khác với tập tính, thói quen của loài vật không sản xuất được công cụ lao động;
- Nhận diện và phân biệt được các hiện tượng, hoạt động, hành vi ứng xử và tổ chức văn hóa trong đời sống cá nhân và đời sống cộng đồng của xã hội loài người;
- Vận dụng các phương pháp phân tích, so sánh và liên ngành để lý giải các hiện tượng văn hóa tương đồng và khác biệt, thống nhất trong đa dạng và bản sắc văn hóa của từng cộng đồng dân tộc trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

2. về kỹ năng: Có kỹ năng giải thích được diễn trình văn hóa Việt Nam từ khởi thủy cho đến ngày nay, sáu vùng văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đương đại.

3. về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện nhân cách cá nhân thông qua các mô hình nhân cách - danh nhân văn hóa Việt Nam ở các thời đại (Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc), hiểu được truyền thống văn hóa của dân tộc và tự hào về nền văn hóa Việt Nam giàu truyền thống dựng nước và giữ nước, đa dạng, đa sắc màu, đậm đà bản sắc dân tộc đang hòa nhập vào các nền văn hóa khu vực và thế giới.

III. Nội dung môn học

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Kiểm tra

1	Chương 1: Dẫn luận	3	3		
2	Chương 2: Văn hóa với tự nhiên, xã hội và cá nhân	3	3		
3	Chương 3: Biến đổi văn hóa	3	3		
4	Chương 4: Cơ cấu của hệ thống văn hóa	3	3		
5	Kiểm tra				1
6	Chương 5: Tiếp cận văn hóa Việt Nam	4	4		
7	Chương 6: Diễn trình văn hóa Việt Nam	4	4		
8	Chương 7: Sáu vùng văn hóa Việt Nam	4	4		
9	Chương 8: Danh nhân văn hóa Việt Nam	4	4		
10	Kiểm tra				1
		30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Dẫn luận

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Khái quát được các định nghĩa và các khái niệm tương cận của văn hóa;
- Trình bày rõ các đặc trưng thuộc tính và các chức năng của văn hóa;
- Rèn luyện được phương pháp học tư duy và nghiêm túc tiếp thu kiến thức chuyên môn bằng việc tự học qua tài liệu tham khảo bổ trợ liên ngành được giáo viên cung cấp.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm văn hóa

2.1.1. Những định nghĩa về văn hóa

- 2.1.2. Phân biệt văn hóa với văn hiến, văn vật, văn minh
- 2.2. Đặc trưng và chức năng của văn hóa
 - 2.2.1. Đặc trưng
 - 2.2.2. Chức năng
- 2.3. Nhiệm vụ của môn học

Chương 2: Văn hóa với tự nhiên, xã hội và cá nhân

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích và lý giải được các mối liên hệ thực tiễn tương hỗ giữa văn hóa với tự nhiên, xã hội và cá nhân;
- Giải thích được cách hình thành và xây dựng mô hình nhân cách cá nhân ở mọi thời đại do 4 yếu tố tương tác lẫn nhau: (1) đặc điểm thể trạng, (2) bản chất của môi trường vật chất, (3) nền VH hiện hữu, (4) trải nghiệm hoặc lịch sử cá nhân thuộc tư chất, đặc thù về tâm sinh lý;
- Giải thích được những khác biệt giữa VTI phương Đông và VH phương Tây; hai nền VH này còn khác nhau trước thời cận đại, sau đó đã giao lưu, tác động nhau, hiện nay đang tổng hợp, hỗn dung, hội nhập toàn cầu;
- Rèn được tính cẩn thận, phương pháp học tư duy và nghiêm túc nhận ra nhiệm vụ chiến lược của VH VN: (1) tạo lập một môi trường đa VH, (2) phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế của VH phương Đông và VH phương Tây trong việc tạo lập một nền văn hóa mới, (3) giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Văn hóa và tự nhiên
 - 2.1.1. Đối lập văn hóa với tự nhiên
 - 2.1.2. Môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa
 - 2.1.3. Bản năng và văn hóa
 - 2.1.4. Thích nghi và biến đổi tự nhiên
- 2.2. Văn hóa và xã hội
 - 2.2.1. Khái niệm xã hội
 - 2.2.2. Mối quan hệ giữa văn hóa và xã hội
- 2.3. Văn hóa và cá nhân
 - 2.3.1. Sự hình thành nhân cách của cá nhân
- 2.4. Văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây
 - 2.4.1. Văn hóa phương Đông
 - 2.4.2. Văn hóa phương Tây

Chương 3: Biến đổi văn hóa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

~ Trình bày, giải thích và vận dụng được linh hoạt các hiện tượng biến đổi của văn hóa do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan;

- Nghiệm ra được các diễn biến phức tạp của văn hóa vốn dĩ mang cùng lúc các đặc trưng - thuộc tính như Ổn định, truyền thống, biến đổi và kế thừa;

- Phân tích được nguyên nhân của quá trình tiếp xúc và giao lưu - tiếp biến văn hóa từ xưa đến nay của mọi nền văn hóa trên thế giới, bên cạnh tính chất thống nhất trong đa dạng của nó;

- Giải thích được những điểm tương đồng và khác biệt của các nền văn hóa trong một nước hoặc một vùng văn hóa do nhiều nguyên nhân như: tiến hóa qua những bậc thang giống nhau về văn hóa, do cùng cội nguồn văn hóa, do khuếch tán từ một trung tâm văn hóa, do thuộc cùng một vùng sinh thái văn hóa, do mang tính đồng loại hình về văn hóa...;

- Phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Tính Ổn định

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân tích

2.2. Tính truyền thống

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phân tích

2.3. Tính biến đổi

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Phân tích

2.3.3. Tính kế thừaKhái niệm

2.3.4. Phân tích

2.4. Tiếp xúc - giao lưu và tiếp biến văn hóa

2.4.1. Nguyên nhân

2.4.2. Phân tích

2.5. Lý thuyết so sánh văn hóa

Chương 4: Cơ cấu của hệ thống văn hóa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận diện và giải thích được các khái niệm cơ bản trong cơ cấu hệ thống văn hóa như: văn hóa nhận thức, văn hóa vật chất, văn hóa xã hội, văn hóa giao tiếp, văn hóa tinh thần, văn hóa tâm linh, văn hóa tri thức, văn hóa nghệ thuật;

- Phân tích được ý nghĩa của hệ thống văn hóa gồm nhiều thành tố phức tạp chồng lấn lên nhau song vẫn theo một trật tự được xếp đặt theo hệ thống

của từng lĩnh vực / phạm trù riêng;

- Phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Văn hóa nhận thức (về thế giới, về con người)

2.1.2. Nhận thức về cấu trúc không gian

2.1.1. Nhận thức về vũ trụ

2.1.3. Nhận thức về cấu trúc thời gian

2.1.4. Nhận thức về con người

2.1.5. Nhận thức về con người tự nhiên

2.1.6. Nhận thức về con người xã hội

2.2. Văn hóa vật chất (sản xuất vật chất và đời sống vật chất)

2.2.1. Văn hóa sản xuất vật chất

2.2.2. Văn hóa đời sống vật chất

2.2.3. Văn hóa đời sống vật chất

2.2.3.1. Ẩm thực

2.2.3.2. Phục sức

2.2.3.3. Cư trú

2.2.3.4. Giao thông

2.3. Văn hóa xã hội

2.3.1. Văn hóa tổ chức xã hội

2.3.2. Văn hóa giao tiếp xã hội

2.4. Văn hóa tinh thần

2.4.1. Văn hóa tâm linh

2.4.2. Văn hóa tri thức

2.4.3. Văn hóa nghệ thuật

Kiểm tra 1 Thời gian: 1 giờ

Chương 5: Tiếp cận văn hóa Việt Nam Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được khái niệm tiếp cận một nền văn hóa từ nhiều góc độ cùng các điều kiện làm sản sinh / hình thành nên một nền văn hóa bản địa mang tính đặc thù riêng so với nền văn hóa của toàn nhân loại / mẫu số chung của văn hóa loài người;

- Phân tích và nhận diện được vị trí địa - lịch sử, địa - xã hội, địa - kinh tế, địa - chính trị của nền văn hóa VN nằm giữa hai khu vực văn hóa Đông Nam Á và văn hóa Đông Á - văn hóa VN được gọi là một nền văn hóa bản lề;

- Chỉ ra được nền văn hóa VN bản địa thuộc cơ tầng văn hóa

Nam Á - Đông Nam Á mang tính lưỡng nguyên văn hóa Nam Á và văn hóa Đông Á, thống nhất trong đa dạng;

- Phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam

2.1.1. Khái niệm tiếp cận

2.1.2. Tính đặc thù

2.2. Điều kiện tự nhiên " kinh tế

2.2.1. Vị trí

2.2.2. Phân tích

2.3. Điều kiện chủ thể

2.4. Điều kiện lịch sử - xã hội

2.4.1. Văn hóa Việt Nam bản địa

2.4.2. Tính thống nhất

2.5. Môi trường ý thức tâm linh

Chương 6: Diễn trình văn hóa Việt Nam Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được khái niệm và các ý nghĩa, đặc điểm về diễn trình, diễn trình lịch sử, diễn trình văn hóa của một nền văn hóa bản địa như nền văn hóa VN;

- Phân tích và vận dụng được các phương pháp và tiêu chí phân kỳ lịch sử và phân kỳ diễn trình lịch sử" văn hóa của một quốc gia, dân tộc;

" Giải thích được các giai đoạn lịch sử của dân tộc trong đó các diễn trình văn hóa xuất hiện luôn phản ánh và là tác nhân làm nên những biến động to lớn mang tính quyết định mang tính bước ngoặt đối với vận mệnh lịch sử của một quốc gia, dân tộc..;

- Phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Giai đoạn hình thành những nền tảng

2.1.1. Tiền sử

2.1.2. Sơ sử

2.1.3. Bắc thuộc

2.2. Giai đoạn văn hóa thời Bắc Thuộc: Tiếp biến văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ

2.3. Giai đoạn văn hóa truyền thống Đại Việt hội nhập và phát triển rực rỡ

2.4. Giai đoạn văn hóa hiện đại

2.4.1. Thời cận đại

2.4.2. Thời hiện đại

Chương 7: Sáu vùng văn hóa Việt Nam

1. Mục tiêu:

- Phân tích được khái niệm và các ý nghĩa về vùng văn hóa, tiểu vùng văn hóa;
- Phân tích và phân vùng được các vùng văn hóa của một quốc gia theo các tiêu chí khách quan và khoa học;
- Nêu được các đặc điểm riêng của từng vùng và tiểu vùng văn hóa ở VN;
- Phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm vùng văn hóa

2.2. Vùng văn hóa Tây Bắc

2.2.1. Phân tích và phân vùng

2.2.2. Đặc điểm riêng

2.3. Vùng văn hóa Việt Bắc

2.3.1. Phân tích và phân vùng

2.3.2. Đặc điểm riêng

2.4. Vùng văn hóa Châu thổ Bắc Bộ

2.4.1. Phân tích và phân vùng

2.4.2. Đặc điểm riêng

2.5. Vùng văn hóa Trung Bộ

2.5.1. Phân tích và phân vùng

2.5.2. Đặc điểm riêng

2.6. Vùng văn hóa Tây Nguyên

2.6.1. Phân tích và phân vùng

2.6.2. Đặc điểm riêng

2.7. Vùng văn hóa Nam Bộ

2.7.1. Phân tích và phân vùng

2.7.2. Đặc điểm riêng

Chương 8: Danh nhân văn hóa Việt Nam

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được khái niệm và các ý nghĩa, đặc điểm về danh nhân, danh nhân thế giới, danh nhân văn hóa, danh nhân văn hóa thế giới;
- Phân tích và vận dụng được các tiêu chí khoa học để chọn ra

được các danh nhân văn hóa của các địa phương, của vùng văn hóa, của dân tộc và của nền văn hóa thế giới;

- Phân tích được các tiêu chí về danh nhân văn hóa VN và danh nhân văn hóa thế giới mà chủ tịch Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc được phong tặng;

- Phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Danh nhân

2.1.1. Khái niệm danh nhân

2.1.2. Khái niệm danh nhân văn hóa

2.1.3. Tiêu chí danh nhân văn hóa Việt Nam

2.1.4. Tiêu chí danh nhân văn hóa thế giới

2.2. Nguyễn Trãi

2.3. Lê Thánh Tông

2.4. Nguyễn Bình Khiêm

2.5. Lê Quý Đôn

2.6. Nguyễn Đình Chiểu

2.7. Nguyễn Ái Quốc

Kiểm tra 2

Thời

gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu /LCD, phấn, bảng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh minh họa, tài liệu phát tay cho người học, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và

phương pháp đánh giá: 1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra thường xuyên; định kỳ; thi kết thúc môn học, sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:

+ Trình bày khái niệm về văn hóa, chức năng của văn hóa trong đời sống xã hội của loài người;

+ Trình bày được văn hóa là sản phẩm của riêng con người, khác với tập tính, thói quen của loài vật không sản xuất được công cụ lao động;

+ Nêu các hiện tượng, hoạt động, hành vi ứng xử và tổ chức văn hóa trong đời sống cá nhân và đời sống cộng đồng của xã hội loài người.

- Kỹ năng:

+ Có kỹ năng giải thích được diễn trình văn hóa Việt Nam từ khởi thủy cho đến ngày nay, sáu vùng văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đương đại;

+ Có kỹ năng trình bày, phân tích khái niệm về văn hóa, chức năng của văn hóa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chấp hành nội qui, qui chế của nhà trường;

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Chuẩn bị đầy đủ nội dung tự học, tự nghiên cứu;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học, tích cực trong giờ học.

2. Phương pháp: Các kiến thức và kỹ năng trên sẽ được đánh giá qua các nội dung tự nghiên cứu, ý thức thực hiện môn học, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và bài kiểm tra kết thúc môn học:

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra: tự nghiên cứu, điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6;

Điểm trung bình các điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và tự nghiên cứu theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm tự nghiên cứu được tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

Hình thức thi: tự luận 60 phút (được thông báo vào đầu mỗi học kỳ).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Đây là môn học gắn liền với thực tế văn hóa Việt Nam và nhiều nước khác trên thế giới, vì vậy giảng viên nên kết hợp nhiều phương pháp như thuyết trình, đàm thoại, giảng giải, nêu vấn đề, vấn đáp và thảo luận;

+ Trước khi giảng dạy, giảng viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Nên hướng dẫn bài tập tự nghiên cứu mang tính minh họa để sinh viên hiểu và hoàn thành tốt bài tập được giao.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị nội dung thảo luận nhóm, nội dung tự học tự nghiên cứu khi đến lớp; + Xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu cho từng cá nhân;

+ Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp;

học được quy định trong chương trình môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chương 2: Văn hóa với tự nhiên, xã hội và cá nhân

Chương 3: Biến đổi văn hóa

Chương 4: Cơ cấu của hệ thống văn hóa

Chương 5: Tiếp biến văn hóa Việt Nam

Chương 7: Sáu vùng văn hóa Việt Nam

Chương 8: Danh nhân văn hóa Việt Nam

Chương 1: Dẫn luận

1. Khái niệm văn hóa

1.1 Những định nghĩa về văn hóa

Văn hóa có rất nhiều nghĩa. Trong Tiếng Việt, văn hóa được dùng theo nghĩa thông dụng để chỉ học thức (trình độ văn hóa), lối sống (nếp sống văn hóa), theo nghĩa chuyên biệt để chỉ trình độ phát triển của một giai đoạn văn hóa. Trong khi theo nghĩa rộng thì văn hóa bao gồm tất cả, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại cho đến tín ngưỡng, phong tục, lối sống, lao động... Chính với các hiểu rộng này, văn hóa mới là đối tượng đích thị của văn hóa học. Một cách hiểu khác, văn hoá là sản phẩm do con người sáng tạo, có từ thuở bình minh của xã hội loài người. Ở phương Đông, từ văn hoá đã có trong đời sống ngôn ngữ từ rất sớm. Ở phương Tây, để chỉ đối tượng mà chúng ta nghiên cứu, người Pháp, người Nga có từ *kultura*. Những chữ này có chung gốc Latinh là chữ *cultus animi* là trồng trọt tinh thần. Vậy chữ *cultus* là văn hoá với hai khía cạnh: trồng trọt, thích ứng với tự nhiên, khai thác tự nhiên và *giáo dục đào tạo cá thể hay cộng đồng để họ không còn là con vật tự nhiên, và họ có những phẩm chất tốt đẹp*. Tuy vậy, việc xác định và sử dụng khái niệm văn hoá không đơn giản và thay đổi theo thời gian thuật ngữ văn hoá với nghĩa “canh tác tinh thần” được sử dụng vào thế kỉ XVII- XVIII bên cạnh nghĩa gốc là quản lí, canh tác nông nghiệp. Vào thế kỉ XIX thuật ngữ “văn hoá” được những nhà nhân loại học phương Tây sử dụng như một danh từ chính. Những học giả này cho rằng văn hoá (văn minh) thế giới có thể phân ra từ trình độ thấp nhất đến trình độ cao nhất, và văn hoá của họ chiếm vị trí cao nhất. Bởi vì họ cho rằng bản chất văn hoá hướng về trí lực và sự vươn lên, sự phát triển tạo thành văn minh, E.B Taylo (E.B. Taylor) là đại diện của họ. Theo ông, văn hoá là toàn bộ phức thể bao gồm hiểu biết, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, những khả năng và tập quán khác mà con người có được với tư cách là một thành viên của xã hội. Theo F. Boa (F. Boas), ý nghĩa văn hoá được quy định do khung giải thích riêng chứ không phải bắt nguồn từ cứ liệu cao siêu như “trí lực”, vì thế sự khác nhau về mặt văn hoá từng dân tộc cũng không phải theo tiêu

chuẩn trí lực. Đó cũng là “tương đối luận của văn hoá”. Văn hoá không xét ở mức độ thấp cao mà ở góc độ khác biệt. A. L. Kroibơ (A.L. Kroeber) và C.L. Klúchôn (C. L. Kluckhohn) quan niệm văn hoá là loại hành vi rõ ràng và ám thị đã được đúc kết và truyền lại PTIT 6 bằng biểu tượng, và nó hình thành quả độc đáo của nhân loại khác với các loại hình khác, trong đó bao gồm cả đồ tạo tác do con người làm ra. Tóm lại, khái niệm văn hóa là: “văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội”

ĐỊNH NGHĨA VĂN HÓA CỦA UNESCO: Trong ý nghĩa rộng nhất, “Văn hóa hôm nay có thể coi là tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng: Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dẫn thân một cách đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không biết mệt những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình vượt trội lên bản thân”.

Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặt ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”.

Cựu thủ tướng Phạm Văn Đồng viết: “Nói tới văn hóa là nói tới một lĩnh vực vô cùng phong phú và rộng lớn, bao gồm tất cả những gì không phải là thiên nhiên mà có liên quan đến con người trong suốt quá trình tồn tại, phát triển, quá trình con người làm nên lịch sử... cốt lõi của sức sống dân tộc là văn hóa với nghĩa bao quát và cao đẹp nhất của nó, bao gồm cả hệ thống giá trị: tư tưởng và tình cảm, đạo đức và phẩm chất, trí tuệ và tài năng, sự nhạy cảm và sự tiếp thu cái mới từ bên ngoài, ý thức bảo vệ tài sản và bản lĩnh của cộng đồng dân tộc, sức đề kháng và sức chiến đấu để bảo vệ mình và không ngừng lớn mạnh.”

Gần đây nhất, trong một bài viết của mình, PGS. Nguyễn Từ Chi đã quy các kiểu nhìn khác nhau về văn hóa vào hai góc độ:

- Góc rộng, hay góc nhìn “dân tộc học”, đây là góc chung của nhiều ngành khoa học xã hội.

- Góc hẹp, góc thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, còn gọi là góc báo chí.

Theo cách hiểu góc rộng – văn hóa là toàn bộ cuộc sống (nếp sống, lối sống) cả vật chất xã hội và tinh thần của từng cộng đồng. Ví dụ: nghiên cứu văn hóa Việt Nam là nghiên cứu lối sống của các dân tộc Việt Nam.

Văn hóa từ góc nhìn “báo chí” tuy cũng có những cách hiểu rộng hơn hay hẹp hơn, nhưng trước đây thường gắn với kiến thức của con người, của xã hội. Ngày nay, văn hóa dưới góc “báo chí” đã hướng về lối sống hơn là về kiến thức mà theo tác giả là lối sống gấp, đằng sau những biến động nhanh của xã hội.

1.2. Phân biệt văn hóa với văn hiến, văn vật, văn minh

1.2.1. Khái niệm văn minh

Văn minh là danh từ Hán – Việt (văn là vẻ đẹp, minh là sáng), chỉ tia sáng của đạo đức, biểu hiện ở chính trị, pháp luật, văn học, nghệ thuật. Trong tiếng Anh, Pháp, từ civilisation với nội hàm nghĩa văn minh, có từ căn gốc La tinh là civitas với nghĩa gốc: đô thị, thành phố, và các nghĩa phái sinh: thị dân, công dân.

Văn minh trong tiếng Đức là để chỉ các xã hội đã đạt được tới giai đoạn tổ chức đô thị và chữ viết.

Tuy vậy, người ta vẫn hay sử dụng thuật ngữ văn minh đồng nghĩa với văn hóa. Các học giả Anh và Pháp thường sử dụng lẫn lộn hai khái niệm văn hóa (culture), văn minh (civilisation) để chỉ toàn bộ sự sáng tạo và các tập quán tinh thần và vật chất riêng cho mọi tập đoàn người.

Thực ra, văn minh là trình độ phát triển nhất định của văn hóa về phương diện vật chất, đặc trưng cho một khu vực rộng lớn, một thời đại, hoặc cả nhân loại. Như vậy, văn minh khác với văn hóa ở ba điểm: Thứ nhất, trong khi văn hóa có bề dày của quá khứ thì văn minh chỉ là một lát cắt đồng đại. Thứ hai trong khi văn hóa bao gồm cả văn hóa vật chất lẫn tinh thần thì văn minh chỉ thiên về khía cạnh vật chất, kĩ thuật. Thứ ba, trong khi văn hóa mang tính dân tộc rõ rệt thì văn minh thường mang tính siêu dân tộc – quốc tế. Ví dụ nền văn minh tin học hay văn minh hậu công nghiệp và văn hóa Việt Nam, văn hóa Nhật Bản, văn hóa Trung Quốc... Mặc dù giữa văn hóa và văn minh có một điểm gặp gỡ nhau đó là do con người sáng tạo ra.

1.2.2. Khái niệm văn hiến

Ở phương Đông, trong đó có Việt Nam, từ xa xưa đã phổ biến khái niệm văn hiến. Có thể hiểu văn hiến là văn hóa theo cách dùng, cách hiểu trong lịch sử. Từ đời Lý (1010) người Việt đã tự hào nước mình là một “văn hiến chi bang”. Đến đời Lê (thế kỉ XV) Nguyễn Trãi viết “Duy ngã Đại Việt chi quốc thực vi văn hiến chi bang” – (Duy nước Đại Việt ta thực sự là một nước văn hiến). Từ văn hiến mà Nguyễn Trãi dùng ở đây là một khái niệm rộng chỉ một nền văn hóa cao, trong đó nếp sống tinh thần, đạo đức được chú trọng.

Văn hiến (hiến= hiền tài)– truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp. GS. Đào Duy Anh khi giải thích từ “văn hiến” khẳng định: “là sách vở” và nhân vật tốt trong một đời. Nói cách khác văn là văn hóa, hiến là hiền tài, như vậy văn hiến thiên về những giá trị tinh thần do những người có tài đức chuyên tài, thể hiện tính dân tộc, tính lịch sử rõ rệt.

1.2.3. Khái niệm văn vật (vật = vật chất)

Truyền thống văn hóa tốt đẹp biểu hiện ở nhiều nhân tài trong lịch sử và nhiều di tích lịch sử. “Hà Nội nghìn năm văn vật”. Văn vật còn là khái niệm hẹp để chỉ những công trình hiện vật có giá trị nghệ thuật và lịch sử, khái niệm văn vật cũng thể hiện sâu sắc tính dân tộc và tính lịch sử. Khái niệm văn hiến, văn vật thường gắn với phương Đông nông nghiệp trong khi khái niệm văn minh thường gắn với phương Tây đô thị.

2. Đặc trưng và chức năng của văn hóa

2.1. Đặc trưng

Đặc trưng thứ nhất tính hệ thống. Đặc trưng này cần để phân biệt hệ thống với tập hợp nó giúp phát hiện những mối liên hệ mật thiết giữa các hiện tượng, sự kiện thuộc một nền văn hóa; phát hiện các đặc trưng, những quy luật hình thành và phát triển của nó. Như có tính hệ thống mà văn hóa, với tư cách là một thực thể bao trùm mọi hoạt động của xã hội, thực hiện được chức năng tổ chức xã hội. Chính văn hóa thường xuyên làm tăng độ Ổn định của xã hội, cung cấp cho xã hội mọi phương tiện cần thiết để ứng phó với môi trường tự nhiên và xã hội của mình. Nó là nền tảng của xã hội – có lẽ chính vì vậy mà người Việt Nam ta dùng từ chỉ loại “nền” để xác định khái niệm văn hóa (nền văn hóa).

Đặc trưng quan trọng thứ hai của văn hóa là tính giá trị. Văn hóa là thước đo mức độ nhân bản của xã hội và con người. Các giá trị văn hóa, theo mục đích có thể chia thành giá trị vật chất (phục vụ cho nhu cầu vật chất) và giá trị tinh thần (phục vụ cho nhu cầu tinh thần), theo ý nghĩa có thể chia thành giá trị sử dụng, giá trị đạo đức và giá trị thẩm mỹ...

Đặc trưng thứ ba của văn hóa là tính nhân sinh. Tính nhân sinh cho phép phân biệt văn hóa như một hiện tượng xã hội (do con người sáng tạo, nhân tạo) với các giá trị tự nhiên (thiên tạo). Văn hóa là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người. Sự tác động của con người vào tự nhiên có thể mang tính vật chất (như việc luyện quặng, đẽo gỗ...) hoặc tinh thần (như việc đặt tên, truyền thuyết cho các cảnh quan thiên nhiên).

Đặc trưng thứ tư là tính lịch sử

1.3.2. Chức năng

Trước hết, văn hóa có **chức năng tổ chức**. Xã hội loài người được tổ chức theo những cách thức đặc biệt thành những làng xã, quốc gia, đô thị, hội đoàn, tổ nhóm, v.v. mà giới động vật chưa hề biết tới – đó là nhờ văn hóa. Làng xã, quốc gia, đô thị... của mỗi dân tộc lại cũng mỗi khác nhau – cái đó cũng do sự chi phối của văn hóa. Chính tính hệ thống của văn hóa là cơ sở cho chức năng này.

Thứ hai, văn hóa có **chức năng điều chỉnh**. Mọi sinh vật đều có khả năng thích nghi với môi trường xung quanh bằng cách tự biến đổi mình sao cho phù hợp với tự nhiên qua cơ chế di truyền và chọn lọc tự nhiên. Con người thì hành xử theo một cách thức hoàn toàn khác hẳn: dùng văn hóa để biến đổi tự nhiên phục vụ cho mình bằng cách tạo ra đồ ăn, quần áo, nhà cửa, vũ khí, máy móc, thuốc men... Tính giá trị là cơ sở cho chức năng điều chỉnh của văn hóa. Nhờ có chức năng điều chỉnh, văn hóa trở thành *mục tiêu và động lực của sự phát triển* trong xã hội loài người.

Thứ ba, văn hóa có **chức năng giao tiếp**. Một trong những đặc điểm khu biệt con người với động vật là ở sự hợp quần thành xã hội, mà xã hội không thể hình thành và tồn tại được nếu thiếu sự giao tiếp. Văn hóa tạo ra những điều kiện và phương tiện (như ngôn ngữ và các hệ thống ký hiệu) cho sự giao tiếp ấy, văn hóa là môi trường giao tiếp của con người. Đến lượt mình, văn hóa cũng là sản phẩm của giao tiếp: các sản phẩm của văn hóa thì còn có thể được tạo ra bằng hoạt động của các cá nhân riêng rẽ chứ bản thân văn hóa thì chỉ có thể là sản phẩm của hoạt động xã hội mà thôi. Tính nhân sinh là cơ sở cho chức năng giao tiếp của văn hóa.

Thứ tư, văn hóa có **chức năng giáo dục**. Văn hóa thực hiện được chức năng giáo dục trước hết là do nó có năng lực *thông tin* hoàn hảo. Ở động vật, thông tin được mã hóa trong cấu trúc tế bào và thần kinh và truyền đạt bằng con đường di truyền; ngoài ra, ở động vật cao cấp, thông tin còn được truyền đạt bằng cách quan sát và bắt chước hành vi của cha mẹ, công việc này mỗi thế hệ mới lại bắt đầu lại từ đầu. Trong cả hai trường hợp, từ thế hệ này sang thế hệ khác, lượng thông tin không tăng lên.

Con người thì không thế. Nhờ văn hóa, thông tin được mã hóa bằng những hệ thống ký hiệu tạo thành những sản phẩm nằm ngoài cá nhân con người, do vậy mà nó được khách quan hóa, được tích lũy, được nhân bản và tăng lên nhanh chóng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự tích lũy và chuyển giao những giá trị tương đối ổn định (những kinh nghiệm tập thể) thể hiện dưới những khuôn mẫu xã hội trong cộng đồng người qua không gian và thời gian và được cố định hóa dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ, luật pháp, dư luận... từ thế hệ này sang thế hệ khác tạo nên *truyền thống văn hóa* trên cơ sở tính lịch sử của nó chính là chức năng giáo dục của văn hóa. Nhưng văn hóa thực hiện chức năng giáo dục

không chỉ bằng những giá trị đã Ổn định (truyền thống), mà còn bằng cả những giá trị đang hình thành. Ngoài bốn chức năng cơ bản trên, còn có thể nói đến các chức năng khác của văn hóa như *chức năng nhận thức*, *chức năng thẩm mỹ*, *chức năng giải trí*, v.v., song chúng đều chỉ là những chức năng bộ phận hoặc phái sinh từ bốn chức năng cơ bản đã nêu (vd: *chức năng thẩm mỹ* và *chức năng giải trí* chỉ có ở thành tố nghệ thuật là một bộ phận của văn hoá; *chức năng nhận thức* hàm chứa trong chức năng giáo dục).

Chương 2: Văn hóa với tự nhiên, xã hội và cá nhân

(Thời gian: 3 giờ)

1. Văn hóa và tự nhiên

1.1. Đối lập văn hóa với tự nhiên

Quan hệ văn hoá - con người và xã hội là một phần của bộ ba “con người - văn hoá - tự nhiên”. Không có tự nhiên sẽ không có văn hoá. Điều này đúng vì hai lẽ.

Thứ nhất, tự nhiên tạo nên con người; con người, đến lượt mình, lao động không ngừng để tạo nên văn hoá; như vậy, văn hoá là sản phẩm trực tiếp của con người và sản phẩm gián tiếp của tự nhiên. Văn hoá là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người.

Thứ hai, trong quá trình sáng tạo văn hoá, con người vẫn phải sử dụng các tài nguyên phong phú của tự nhiên và năng lực tự nhiên tiềm tàng của chính mình. Các giá trị văn hoá không thể tồn tại được nếu không có tự nhiên làm môi trường và chất liệu cho nó: mọi sản phẩm vật chất đều chế tạo từ các vật liệu tự nhiên hoặc có nguồn gốc từ tự nhiên, và mọi sản phẩm tinh thần đều không thể tồn tại ngoài bộ não là cái vật chất tự nhiên sinh ra chúng.

Ví dụ: Động thực vật đã được con người thuần dưỡng, nuôi nấng, chăm sóc; cảnh vật: “người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ” (Nguyễn Du). Một ngọn núi, một dòng sông, một tảng đá – tự nhiên thuần túy đấy, nhưng một khi được con người biết đến, đặt tên cho: núi này là “Hàm Rồng”, vịnh này là “Hạ Long”, đá kia là “hòn Vọng Phu”... – tất cả bỗng có linh hồn, bỗng trở thành sống động, thân thương, tất cả đã trở thành văn hoá!